**Môn: TOÁN Lớp 6**

**SỐ HỌC - KỲ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
|
| 1 | §9. Quy tắc chuyển vế. | 1 | * Nắm vững các tính chất của đẳng thức; quy tắc chuyển vế.
* Biết vận dụng các tính chất của đẳng thức, quy tắc chuyển vế vào giải bài tập
 |
| 2 | Luyện tập | 1 |
| 3 | §10. Nhân hai số nguyên khác dấu | 1 | -Nắm chắc quy tắc nhân hai số nguyên ( cùng dấu và khác dấu )- Áp dụng thành thạo quy tắc trên vào thực hành tính toán. |
| 4 | §11. Nhân hai số nguyên cùng dấu. | 1 |
| 5 | Luyện tập | 1 |
| 6 | §12. Tính chất của phép nhân. | 1 | -Hiểu được các tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên -Biết áp dụng các tính chất này để thực hành tính toán, giải các bài tính nhanh các biểu thức |
| 7 | Luyện tập | 1 |
| 8 | §13. Bội và ước của số nguyên | 1 | -Nắm được khái niệm bội và ước của một số nguyên và các tính chất liên quan đến phép chia hết,. |
| 9 | ***Ôn tập chương II*** | 1 | * Hệ thống và củng cố lại các kiến thức về khái niệm tập số nguyên ; giá trị tuyệt đối của một số nguyên ; quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên và các tính chất về phép cộng, phép nhân hai số nguyên.
 |
| 10 | Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau | 1 | -Thấy được sự giống và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở Tiểu học và khái niệm phân số học ở lớp 6.-Viết được các phân số mà tử số và mẫu số là các số nguyên |
| 11 | §3. Tính chất cơ bản của phân số | 1 | -Nắm vững tính chất cơ bản của phân số-Biết vận dụng được các tính chất để giải một số bài tập đơn giản.Viết được một phân số có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương. |
| 12 | Luyện tập | 1 |
| 13 | §4. Rút gọn phân số. | 1 | -Hiểu thế nào là rút gọn phân số ; phân số tối giản.-Biết cách đưa phân số về dạng tối giản |
| 14 | Luyện tập | 1 |
| 15 | §5. Quy đồng mẫu nhiều phân số. | 2 | * Nắm được các bước tiến hành quy đồng mẫu nhiều phân số.
* Thành thạo quy đồng mẫu nhiều phân số
 |
| 16 | Luyện tập | 1 |
| 17 | §6. So sánh phân số. | 1 | -Nắm được quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu-Biết so sánh hai hay nhiều phân số. |
| 18 | Luyện tập | 1 |
| 19 | ***Chủ đề : Phép cộng phân số.*** | 3 | * Nắm vững quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu và khác mẫu và tính chất cơ bản của phép cộng phân số.
* Cộng nhanh và đúng phép cộng hai hay nhiều phân số
 |
| 20 | Luyện tập | 1 |
| 21 | §9. Phép trừ phân số. | 1 | * Hiểu thế nào là hai phân số đối nhau
* Nắm vững quy tắc trừ hai phân số cùng mẫu và khác mẫu
* Trừ nhanh và đúng phép trừ hai hay nhiều phân số
 |
| 22 | Luyện tập | 1 |
| 23 | Phép nhân phân số | 1 | * Biết và vận dụng được quy tắc nhân hai phân số ;các tính chất của phép nhân phân số.
* Tính nhanh và đúng phép nhân phân số ;rút gọn phân số.
 |
| 24 | Luyện tập | 1 |
| 25 | §12. Phép chia phân số. | 1 | * Hiểu và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0.
* Nắm được quy tắc và biết cách thực hiện phép chia phân số.
 |
| 26 | Luyện tập | 1 |
| 27 | Ôn tập từ đầu chương 3 | 2 | * Hệ thống và củng cố các kiến thức:

+ Khái niệm về phân số, phân số tối giản, phân số bằng nhau, số đối, số nghịch đảo. + Quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số + Các tính chất ; rút gọn , so sánh hai phân số |
| 28 | ***Kiểm tra giữa kỳ II*** | 2 | -Biết và vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt để giải các bài toán một cách nhanh và chính xác |
| 29 | §13. Hỗn số. Số thập phân. Phần trăm.*Bài 108b ; 109 b,c : KK học sinh tự làm* | 2 | * Hiểu được khái niệm về hỗn số, số thập phân, tỉ số phần trăm.
* Biết viết phân số dưới dạng hỗn số, phân số thập phân và ngược lại.
 |
| 30 | Luyện tập | 2 |
| 31 | §14. Tìm giá trị phân số của một số cho trước. | 1 | * Biết cách tìm giá trị phân số của một số cho trước ; tìm một số khi biết giá trị phân số của nó ; tìm tỉ số của hai số.
* Vận dụng thành thạo ,linh hoạt các kiến thức để giải ba bài toán cơ bản của phân số.
 |
| 32 | Luyện tập | 1 |
| 33 | §15. Tìm một số biết giá trị một phân số của nó. | 1 |
| 34 | Luyện tập | 1 |
| 35 | §16. Tìm tỉ số của hai số. | 1 |
| 36 | Luyện tập | 2 |
| 37 | §17. Biểu đồ phần trăm. Luyện tập | 1 | -Biết cách đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông.- Biết cách dựng các biểu đồ phần tram dạng cột và dạng ô vuông dựa vào các số liệu trên thực tế. |
| 38 | Luyện tập | 1 |
| 39 | ***Ôn tập chương III*** | *2* | Hệ thống, củng cố các kiến thức của chương |
| 40 | ***Ôn tập cuối năm*** | *2* | -Hệ thống các kiến thức về :+ Các phép tính cộng, trừ , nhân, chia số tự nhiên; số nguyên ; phân số.+ Tính chất của phép cộng, phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số+ Ba bài toán về phân số.-Biết thực hiện nhanh, đúng các phép tính  |
| 41 | ***Kiểm tra cuối năm*** | 2 | -Biết và vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt để giải các bài toán một cách nhanh và chính xác |
| 42 | ***Trả bài kiểm tra cuối năm*** | 1 | -Chỉ rõ những điểm đạt và chưa đạt, những thiếu sót hay gặp phải khi làm bài |

**HÌNH HỌC – KỲ II.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | §1. Nửa mặt phẳng | 1 | - Hiểu thế nào là nửa mặt phẳng; tính chất của hai nửa mặt phẳng đối nhau. - Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, biết được tia nằm giữa hai tia khác qua hình vẽ và vẽ tia nằm giữa 2 tia khác.  |
| 2 | §2. Góc | 1 | -Hiểu góc là gì ? Góc bẹt là gì ?- Biết vẽ góc, đọc tên góc, kí hiệu góc. Nhận biết điểm nào nằm trong góc qua hình vẽ. |
| 3 | §3. Số đo góc | 1 | -Hiểu thế nào là góc vuông, góc nhọn, góc tù- Biết cách đo số đo của một góc. |
| 4 | §5. Vẽ góc cho biết số đo | 1 | * Nắm được cách vẽ góc khi biết số đo.
* Vận dụng để vẽ được góc
 |
| 5 | §4. Khi nào thìxOy + yOz = xOz | 1 | - Biết và hiểu được khi nào thì - Hiểu được hai góc kề nhau, phụ nhau, bù nhau và kề bù. - Vận dụng được để tính được số đo của một góc trong hình vẽ. |
| 6 | Luyện tập | 1 | * Nắm được cách vẽ góc khi biết số đo.
* Vận dụng để vẽ được góc khi biết số đo
 |
| 7 | **Chủ đề: Tia phân giác**  | 3 | -Hiểu thế nào là tia phân giác của góc? - Biết vẽ tia phân giác của góc.- Vận dụng để tính được số đo của một góc trong hình vẽ. |
| 8 | §7. Thực hành: Đo góc trên mặt đất | 1 | ***-*** biết được cấu tạo của giác kế và hiểu được cách sử dụng giác kế.- Vận dụng để đo được số đo của một góc trên mặt đất. |
| 9 | **Ôn tập KT giữa kỳ** | 1 | **-** Hệ thống được kiến thức về nửa mặt phẳng, góc, tia phân giác của góc-Vận dụng các kiến thức để vẽ hình theo yêu cầu đề bài, tính số đo của góc |
| 10 | §8. Đường tròn | 1 | -Phân biệt hình tròn và đường tròn. Hiểu cung tròn, dây cung, đường kính, bán kính.- Sử dụng com pa thành thạo để vẽ đường tròn |
| 11 | §9. Tam giác | 1 | - HS hiểu định nghĩa được tam giác.- Sử dụng thành thạo thước thẳng để vẽ tam giác,biết gọi tên và viết kí hiệu tam giác- Nhận biết điểm nằm bên trong và nằm bên ngoài tam giác. |
| 12 | Ôn tập chương II | 1 | * Củng cố hệ thống hoá kiến thức về góc, tia phân giác của góc, đường tròn, tam giác
 |
| 13 | ***Trả bài kiểm tra cuối năm*** *(phần Hình học)* | 1 | * Nhận thấy những lỗi sai thường gặp phải trong bài thi và cách khắc phục các lỗi đó
 |

**Môn: VẬT LÝ Lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  Đo độ dài | 1 | **1. Kiến thức:**- Biết xác định giới hạn đo (GHĐ), độ chia nhỏ nhất (ĐCNN)của dụng cụ đo.- Biết ước lượng gần đúng một số độ dài cần đo.- Biết đo độ dài một số trường hợp thông thường theo đúng qui tắc.**2. Kĩ năng:** - Đo độ dài trong một số tình huống thông thường.- Biết tính giá trị trung bình các kết quả đo  |
| 2 | Đo thể tích chất lỏng | 1 | **1. Kiến thức :**Biết kể tên một số dụng cụ thương dùng để đo thể tích chất lỏng, xác định Giới hạn đo (GHĐ), độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của dụng cụ đo. Biết xác định thể tích của chất lỏng bằng dụng cụ đo thích hợp.**2. Kĩ năng:** Biết ước lượng gần đúng một số thể tích cần đo.Đo thể tích một số chất lỏng theo quy tắc đo.Biết tính giá trị trung bình của các kết quả đo. |
| 3 | Đo thể tích chất rắn không thấm nước | 1 | **1. Kiến thức:** Biết sử dụng các dụng cụ đo (bình chia độ, bình tràn) để xác định thể tích của vật rắn có hình dạng bất kì không thấm nước.**2. Kỹ năng:** Tuân thủ các quy tắc đo và trung thực với các số liệu mà mình đo được, hợp tác trong mọi công việc của nhau |
| 4 | Khối lượng. Đo khối lượng | 1 | **1. Kiến thức:**- Trả lời được các câu hỏi cụ thể như: Khi đặt một túi đường lên một cái cân, cân chỉ 1kg, thì số đó chỉ gì?- Nhận biết được quả cân 1kg.- Trình bày được cách điều chỉnh số 0 cho cân Robecvan và cách cân một vật bằng cân Rôbecvan.**2. Kỹ năng:**- Đo được khối lượng của một vật bằng cân. Chỉ ra được ĐCNN và GHĐ của một cái cân. |
| 5 | Lực. Hai lực cân bằng | 1 | **1. Kiến thức:**- Nêu được các VD về lực đẩy, lực kéo... và chỉ ra được phương và chiều của các lực đó.- Nêu được thí dụ về hai lực cân bằng.- Nêu được các nhận xét sau khi quan sát các TN.**2. Kỹ năng:** Sử dụng đúng các thuật ngữ: lực đẩy, lực kéo, phương, chiều, lực cân bằng. |
| 6 | Tìm hiểu kết quả tác dụng của lực | 1 | **1. Kiến thức:** Nêu được ví dụ về lực tác dụng của lực làm vật bị biến dạng hăọc biến đổi chuyển động *(nhanh dần, chậm dần, đổi hướng).***2. Kỹ năng:**  Nêu được một số thí dụ về tác dụng của lực làm biến dạng, 01 VD về tác dụng của lực làm biến đổi chuyển động *(nhanh dần, chậm dần, đổi hướng).* |
| 7 | Trọng lực. Đơn vị lực | 1 | **1. Kiến thức:**- Nêu được trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật và độ lớn của nó được gọi là trọng lượng.- Nêu được đơn vị lực.**2. Kỹ năng:** Sử dụng được dây dọi để xác định phương thẳng đứng.  |
| 8 | Ôn tập | 1 | **1. Kiến thức:** Củng cố lại kiến thức đã học để HS nắm hệ thống hóa kiến thức của môn Vật lí 6.**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi.  |
| 9 | Kiểm tra giữa kỳ | 1 | **-** Kiểm tra lại các kiến thức đã học từ Tiết 1 đến tiết 7 .- Rèn luyện kỹ năng giải Bài tập Vật lý - Rèn luyện tính cẩn thận , trung thực và nghiêm túc trong khi làm bài  |
| 10 | Lực đàn hồi | 1 | **1. Kiến thức:** - Nhận biết được lực đàn hồi là lực của vật bị biến dạng tác dụng lên vật làm nó biến dạng. - So sánh được độ mạnh, yếu của lực đàn hồi dựa vào lực tác dụng làm biến dạng nhiều hay ít.**2. Kỹ năng:** Biết xác định được độ biến dạng của lò xo.  |
| 11 | Lực kế. Phép đo lực. Trọng lượng và khối lượng | 1 | **1. Kiến thức:**- Đo được lực bằng lực kế.- Viết được công thức tính trọng lượng P = 10m, nêu được ý nghĩa và đơon vị đo P, m. Vận dụng được công thức P = 10m.**2. Kỹ năng:** Sử dụng được lực kế để đo lực. |
| 12 | Khối lượng riêng –Trọng lư­ợng riêng | 1 | **1. Kiến thức:**D =- Phát biểu được định nghĩa khối lượng riêng (D) và viết được công thức - Nêu được đơn vị đo khối lượng riêng. - Vận dụng được công thức tính khối lượng riêng để giải một số bài tập đơn giản.- Phát biểu được định nghĩa trọng lượng riêng (d) và viết được công thức d = P/D.- Nêu được đơn vị đo trọng lượng riêng.- Vận dụng được công thức tính trọng lượng riêng để giải một số bài tập đơn giản.**2. Kỹ năng:** Đo được khối lượng riêng và trọng lượng riêng của một vật |
| 13 | *Thực hành và kiểm tra thực hành : Xác định khối lượng riêng của sỏi* | 1 | **1. Kiến thức:**- Nêu được cách xác định khối lượng riêng cuả một chất.- Tra được bảng khối lượng riêng của các chất.**2. Kỹ năng:** Biết cách tiến hành một bài thực hành vật lí. |
| 14 | Máy cơ đơn giản | 1 | **1. Kiến thức:**- Nêu được các máy cơ đơn giản có trong vật dụng và thiết bị thông thường.Biết được cấu tạo, ứng dụng của 1 số máy cơ đơn giàn như: mặt phẳng nghiêng, đòn bấy, ròng rọc ....trong đời sống- Tác dụng của các máy cơ.**2. Kỹ năng:** HS có khả năng bố trí thí nghiệm để so sánh lực khi dùng các máy cơ đơn giản. |
| 15 | Mặt phẳng nghiêng | 1 | **a. Kiến thức:**- Biết làm thí nghiệm để nêu được 2 thí dụ sử dụng mặt phẳng nghiêng trong cuộc sống và chỉ rõ ích lợi của *chúng* so sánh trọng lượng của vật và lực dùng để kéo vật trực tiếp lên theo phương thẳng đứng - Vận dụng được vào trong đời sống hàng ngày. **b. Kỹ năng:**- Kể tên được một số mặt phẳng nghiêng trong đời sống từ đó biết vận dụng vào thực tế giải quyết vấn đề.- Có ý thức, thói quen vận dụng kiến thức vào cuộc sống.  |
| 16 | Ôn tập học kỳ I | 1 | **1. Kiến thức**:- Hệ thống hoá và hiểu được một số kiến thức cơ bản về cơ học.- Biết vận dụng các công thức vào làm bài tập.2. **Kỹ năng:**- Rèn kĩ năng khái quát hoá các kiến thức,vận dụng các công thức vào làm bài tập. |
| 17 | Kiểm tra học kỳ I | 1 | **1. Kiến thức**: - Học sinh vận dụng những kiến thức đã được học trong chương cơ học vào làm bài kiểm tra**2. Kỹ năng:**- Suy luận và so sánh khi làm bài kiểm tra.- Biết cách trình bày bài kiểm tra. |
| 18 | Trả bài kiểm tra học kỳ I | 1 | **1. Kiến thức :** Ôn lại những kiến thức cơ bản đã học trong chương.**2. Kĩ năng :** Vận dụng được kiến thức để kiểm tra kết quả của mình sau khi học xong và làm bài thi |
| 19 | Đòn bẩy | 1 | **1. Kiến thức:** - Hiểu được cấu tạo của đòn bẩy và ròng rọc- Nêu được tác dụng của đòn bẩy là giảm lực kéo hoặc đẩy vật và đổi hướng của lực. - Nêu được tác dụng của ròng rọc là giảm lực kéo vật và đổi hướng của lực. - Nêu được tác dụng, ứng dụng của ròng rọc và đòn bẩy trong các ví dụ thực tế.**2. Kỹ năng:** - Biết sử dụng đòn bẩy phù hợp trong những trường hợp thực tế cụ thể và chỉ rõ lợi ích của nó.- Sử dụng ròng rọc phù hợp trong những trường hợp thực tế cụ thể và chỉ rõ lợi ích của nó |
| 20 | Ròng rọc | 1 | **1. Kiến thức:***-* Nêu được 2 thí dụ sử dụng ròng rọc trong cuộc sống và chỉ rõ được lợi ích của chúng.- Vận dụng được vào trong đời sống hàng ngày.**2. Kỹ năng:**- Kể tên được một số ròng rọc trong đời sống từ đó biết vận dụng vào thực tế.- Biết sử dụng ròng rọc trong những công việc thích hợp tế giải quyết vấn đề.- Có ý thức, thói quen vận dụng kiến thức vào cuộc sống.  |
| 21 | ***Chủ đề: Sự nở vì nhiệt của các chất.***(Tích hợp bài 18;19;20;21 thành 1 chủ đề )*+ Mục :Vận dụng – Tự học có hướng dẫn.**+ Thí nghiệm 21.1( a, b) bài 21: Không làm.Chỉ giới thiệu và yêu cầu phân tích để trả lời câu hỏi* | 4 | **1. Kiến thức**- Tìm được ví dụ trong thực tế chứng tỏ: thể tích và chiều dài của vật rắn tăng khi nóng lên, giảm khi lạnh đi, các chất rắn khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. Giải thích được một số hiện tượng đơn giản về sự nở vì nhiệt của chất rắn.- Tìm được ví dụ trong thực tế chứng tỏ: thể tích của một chất lỏng tăng khi nóng lên, giảm khi lạnh đi, các chất lỏng khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. Giải thích được một số hiện tượng đơn giản về sự nở vì nhiệt của chất lỏng.- Tìm được ví dụ trong thực tế về hiện tượng thể tích của một khối khí tăng khi nóng lên, giảm khi lạnh đi. Giải thích được một số hiện tượng đơn giản về sự nở vì nhiệt của chất khí.- Nhận biết được sự co giãn vì nhiệt khi bị ngăn cản có thể gây ra lực rất lớn. Tìm được thí dụ thực tếvề hiện tượng này. Mô tả được cấu tạo và hoạt động của băng kép. Giải thích được một số ứng dụng đơn giản về sự nở vì nhiệt.**2. Kĩ năng**- Biết đọc các bảng biểu để rút ra kết luận cần thiết.- Làm được thí nghiệm, mô tả được hiện tượng xảy ra để rút ra kết luận.- Làm được thí nghiệm, mô tả được hiện tượng xảy ra để rút ra kết luận. Biết cách đọc biểu bảng để rút ra kết luận cần thiết.- Phân tích hiện tượng để rút ra nguyên tắc hoạt động. Rèn kỹ năng quan sát, so sánh. |
| 22 |
| 23 |
| 24 |
| 25 | Nhiệt kế. Nhiệt giai | 1 | **1. Kiến thức:**- Mô tả được nguyên tắc cấu tạo và cách chia độ của nhiệt kế dùng chất lỏng. Nêu được một số loại nhiệt kế thường dùng.- Nêu được ứng dụng của nhiệt kế dùng trong phịng thí nghiệm, nhiệt kế rượu và nhiệt kế y tế.- Nhận biết được một số nhiệt độ thường gặp theo thang nhiệt độ Xenxiut.**2. Kỹ năng:** - Xác định được GHĐ và ĐCNN của mỗi loại nhiệt kế khi quan sát trực tiếp hoặc qua ảnh chụp, hình vẽ.  |
| 26 | Thực hành và kiểm tra thực hành: Đo nhiệt độ | 1 | **1. Kiến thức:**- Biết dùng nhiệt kế y tế để đo nhiệt độ cơ thể người theo đúng quy trình.**2. Kỹ năng:** - Lập được bảng theo dõi sự thay đổi nhiệt độ của một vật theo thời gian. |
| 27 | Ôn tập | 1 | **1. Kiến thức:**- Củng cố lại kiến thức đã học của chương để học sinh nắm vững.**2. Kỹ năng:** - Học sinh biết vận dụng kiến thức để trả lời những câu hỏi của từng bài học. |
| 28 | Kiểm tra giữa kỳ | 1 | **1. Kiến thức:**Kiểm tra các kiến thức của học sinh trong nửa học kì II:  - Sự nở vì nhiệt của các chất - Nhiệt kế, nhiệt giai, thang nhiệt độ  **2. Kĩ năng:** - Rèn luyện kĩ năng tính toán, vận dụng công thức để giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng trong thực tế .- Hiểu được nhiệt kế là dụng cụ sử dụng dựa trên nguyên tắc sự nở vì nhiệt của chất lỏng chỉ rõ được lợi ích của chúng- Vận dụng được vào trong đời sống hàng ngày.. |
| 29 |  Sự nóng chảy và sự đông đặc | 1 | **1. Kiến thức:**- Mô tả được quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của các chất. - Nêu được đặc điểm về nhiệt độ trong quá trình nóng chảy của chất rắn.**2. Kỹ năng:** - Dựa vào bảng số liệu đã cho, vẽ được đường biểu diễn sự thay đổi nhiệt độ trong quá trình nĩng chảy của chất rắn. |
| 30 | Sự bay hơi và sự ng­ưng tụ | 1 | **1. Kiến thức:**- Mô tả được quá trình chuyển thể trong sự bay hơi của chất lỏng. - Nêu được dự đốn về các yếu tố ảnh hưởng đến sự bay hơi.**2. Kỹ năng:** - Nêu được phương pháp tìm hiểu sự phụ thuộc của hiện tượng đồng thời vào ba yếu tố. Xây dựng được phương án thí nghiệm đơn giản để kiểm chứng tác dụng của từng yếu tố.- Vận dụng được kiến thức về bay hơi để giải thích được một số hiện tượng bay hơi trong thực tế |
| 31 | Sự sôi. | 1 | **1. Kiến thức:**- Mô tả được sự sôi và kể được các đặc điểm của sự sôi. **2. Kỹ năng:** - Biết cách tiến hành TN, theo dõi TN và khai thác các số liệu thu thập được từ TN . |
| 32 | Tổng kết chương II: Nhiệt học; Ôn tập | 1 | **1. Kiến thức.**- Ôn lại kiến thức cơ bản đã học**2. Kỹ năng.**- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng thực tế. |
| 33 | Ôn tập kiểm tra HK II | 1 | **1. Kiến thức:**- Nhớ lại kiến thức cũ cơ bản có liên quan đến sự nở vì nhiệt và sự chuyển thể của các chất ..-Vận dụng được một cách tổng hợp những kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng có liên quan **2. Kỹ năng:**- Biết cách tiến hành thí nghiệm ,theo dõi thí nghiệm và khai thác các số liệu thu thập được tù thí nghiệm mạnh dạn trình bày ý kến của mình trước tập thể lớp.- Cẩn thận ,tỉ mỉ ,kiên trì ,trung thực- Có ý thức, thói quen vận dụng kiến thức vào cuộc sống.  |
| 34 | Kiểm tra học kỳ II | 1 | **1. Kiến thức:**Kiểm tra các kiến thức của học sinh trong học kì II:  - Sự nở vì nhiệt của các chất - Nhiệt kế, nhiệt giai, thang nhiệt độ  - Sự chuyển thể của các chất.**2. Kĩ năng:** Rèn luyện kĩ năng tính toán, vận dụng công thức để giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng trong thực tế . |
| 35 | Trả bài kiểm tra học kỳ | 1 |  |